

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG  
MẠI DỊCH VỤ GIẤY THUẬN AN  
THUAN AN PAPER SERVICE  
TRADING JOINT STOCK  
COMPANY**  
-----

Số: 2907/BC-QTCT  
No: 2907/BC-QTCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**  
-----

Đồng Nai, ngày 29 tháng 07 năm 2026  
Dong Nai, 29 July 2026

**BÁO CÁO  
Tình hình quản trị công ty  
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**6 tháng đầu năm 2026  
First half of 2026**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To: - The State Securities Commission;  
- Ha Noi Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giấy Thuận An/ Thuan An Paper Service Trading Joint Stock Company
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Lô A, Đường Đ4, KCN Minh HưngIII, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam / Head Office Address: Lot A, D4 Street, Minh Hung III Industrial Park, Minh Hung Ward, Dong Nai City, Vietnam.
- Điện thoại/Telephone: 0274 3560 571 Fax: Email: admin@thuananpaper.com
- Vốn điều lệ/Charter capital: 2.700.000.000.000 đồng/ VND 2.700.000.000.000
- Mã chứng khoán/Stock symbol: TAH
- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện/*Not yet implemented.*

# **I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders***

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết <i>Resolution</i><br>No. | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------|----------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ                       | 26/06/2026          | <p>Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các vấn đề sau: / <i>The General Meeting of Shareholders approved the following matters:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2025 và kế hoạch, định hướng hoạt động năm 2026. / <i>Report of the Board of Directors on the Company's operations in 2025 and the business plan and orientation for activities in 2026.</i></li> <li>- Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025. / <i>Report on the activities of the Independent Member of the Board of Directors and the evaluation by the Independent Member of the Board of Directors on the operation of the Board of Directors in 2025.</i></li> <li>- Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026. / <i>Report of the Board of Supervisors on the results of operations in 2025 and the plan for 2026.</i></li> <li>- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025. / <i>Audited separate and consolidated financial statements for 2025.</i></li> <li>- Kế hoạch kinh doanh năm 2026. / <i>Business plan for 2026.</i></li> <li>- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026. / <i>Selection of the independent auditing firm for 2026</i></li> <li>- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025. / <i>2025 profit distribution plan</i></li> </ul> |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết <i>Resolution</i><br>No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------|----------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                        |              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi trả thù lao của năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026./ <i>Remuneration settlement for 2025 and remuneration plan for members of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2026.</i></li> <li>- Tiếp tục thực hiện kế hoạch đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường Upcom và lưu ký cổ phiếu tại VSDC./ <i>Continuation of the plan for registration of the Company's shares for trading on the UPCoM market and registration of the Company's shares with VSDC.</i></li> <li>- Thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty./ <i>Amendment and adjustment of the Company's business lines</i></li> <li>- Sửa đổi Điều lệ và các Quy chế của Công ty./ <i>Amendments to the Company's Charter and Internal Regulations</i></li> <li>- Miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát/ <i>Dismissal and additional election of a member of the Board of Supervisors</i></li> <li>- Các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan năm 2026./ <i>Contracts and transactions with related parties in 2026.</i></li> </ul> |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026)/ Board of Directors (Semiannual report report):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/<br>Board of Directors' members | Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập<br>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors |                                      |
|------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                                 |                                                                                                                                                                       | Ngày bổ nhiệm<br>Date of appointment                                                                                            | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1          | Ông Liêu Kiên Khang<br>Mr. Lieu Kien Khang      | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman of the BOD                                                                                                                                  | 01/07/2025                                                                                                                      |                                      |
| 2          | Ông Liêu Bình An<br>Mr. Lieu Binh An            | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng Tài chính ngân hàng<br>Member of the Board of Directors cum Head of Banking and Finance Department                     | 01/07/2025                                                                                                                      |                                      |
| 3          | Bà Liêu Tiểu Dinh<br>Ms. Lieu Tieu Dinh         | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị<br>Vice Chairman of the Board of Directors                                                                                             | 01/07/2025                                                                                                                      |                                      |
| 4          | Ông Lê Đình Kính<br>Mr. Le Dinh Kinh            | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc<br>Member of the Board of Directors cum General Director                                                              | 01/07/2025                                                                                                                      |                                      |
| 5          | Ông Nguyễn Minh Quang<br>Mr. Nguyen Minh Quang  | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập<br>Independent Board Members                                                                                                     | 01/07/2025                                                                                                                      |                                      |

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ <i>Board of<br/>Director' member</i> | Số buổi họp HĐQT tham dự/<br><i>Number of meetings attended by<br/>Board of Directors</i> | Tỷ lệ tham dự họp/<br><i>Attendance rate</i> | Lý do không tham dự<br>họp/ <i>Reasons for<br/>absence</i>    |
|------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Liêu Kiên Khang<br><i>Mr. Lieu Kien Khang</i>     | 5                                                                                         | 5/5                                          |                                                               |
| 2          | Ông Liêu Bình An<br><i>Mr. Lieu Binh An</i>           | 5                                                                                         | 5/5                                          |                                                               |
| 3          | Bà Liêu Tiểu Dinh<br><i>Ms. Lieu Tieu Dinh</i>        | 5                                                                                         | 5/5                                          |                                                               |
| 4          | Ông Lê Đình Kinh<br><i>Mr. Le Dinh Kinh</i>           | 5                                                                                         | 5/5                                          |                                                               |
| 5          | Ông Nguyễn Minh Quang<br><i>Mr. Nguyen Minh Quang</i> | 5                                                                                         | 4/5                                          | Lý do cá nhân<br><i>Dismissed due to<br/>personal reasons</i> |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.  
*Supervise the implementation of the Annual General Meeting of Shareholders Resolution.*
- Giám sát việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua. *Monitor the implementation of the Business Plan approved by the Annual General Meeting of Shareholders.*
- Giám sát các hoạt động tài chính của Công ty.  
*Monitor the Company's financial activities.*
- Kiểm tra giám sát việc điều hành Sản xuất kinh doanh bám sát mục tiêu của Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.  
*Inspect and supervise production and business operations to closely follow the objectives of the Resolution and Decision of the Board of Directors.*

- Luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo thuận lợi cho công tác điều hành của Ban giám đốc. *Always closely monitor the activities of the Board of Management, promptly resolve arising issues under the authority of the Board of Directors to facilitate the operations of the Board of Management.*
- Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. *Members of the BOD regularly exchange information and consult on important issues in the Company's operations via email and telephone in addition to regular meetings.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report):*

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                      | Tỷ lệ thông qua<br><i>Approval rate</i> |
|---------|-------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1       | 2003/2026/NQ-HĐQT                                           | 20/03/2026/NQ-HĐQT  | Thông qua việc góp vốn đầu tư vào Công ty CP TM Giấy Thuận Hưng để thực hiện dự án mở rộng tại Hải Phòng<br><i>Through capital contribution and investment in Thuan Hung Paper Trading Joint Stock Company to implement the expansion project in Hai Phong.</i> | 100%                                    |
| 2       | 03/2026/NQ-HĐQT                                             | 04/06/2026          | Thông qua các nội dung liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026<br><i>Approval of matters relating to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>                                                                               | 100%                                    |

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                         | Tỷ lệ thông qua<br><i>Approval rate</i> |
|---------|-------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 3       | 02/2026/QĐ-HĐQT                                             | 30/06/2026          | Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc<br><i>Dismissal of the Deputy General Director</i>                                                            | 100%                                    |
| 4       | 03/2026/QĐ-HĐQT                                             | 02/07/2026          | Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026<br><i>Approval of the selection of an auditor for the 2026 Financial Statements</i> | 100%                                    |

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng)/*Board of Supervisors (Semi-annual report):*

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS) / *Information about members of Board of Supervisors:*

| Stt No. | Thành viên BKS<br><i>Members of Board of Supervisors</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>                     | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS<br><i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i> |                                          | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>                           |
|---------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
|         |                                                          |                                                | Ngày bổ nhiệm<br><i>Appointment Date</i>                                                                                  | Ngày miễn nhiệm<br><i>Dismissal Date</i> |                                                                       |
| 1       | Bà Lê Thị Ngọc Diệu<br><i>Ms. Le Thi Ngoc Dieu</i>       | Trưởng Ban kiểm soát<br><i>Head of the BOS</i> | 01/07/2025                                                                                                                | 26/06/2026                               | Cử nhân Kế toán<br><i>Bachelor of Accounting</i>                      |
| 2       | Bà Nguyễn Thị Cẩm Hà<br><i>Ms. Nguyen Thi Cam Ha</i>     | Trưởng Ban kiểm soát<br><i>Head of the BOS</i> | 26/06/2026                                                                                                                |                                          | Cử nhân Tài chính-Ngân hàng<br><i>Bachelor of Finance and Banking</i> |

| Stt<br>No. | Thành viên BKS<br><i>Members of Board<br/>of Supervisors</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>                                     | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS<br><i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of<br/>Supervisors</i> |                                          | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>                                      |
|------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                              |                                                                | Ngày bổ nhiệm<br><i>Appointment Date</i>                                                                                      | Ngày miễn nhiệm<br><i>Dismissal Date</i> |                                                                                  |
| 3          | Bà Vòng Khánh<br>Linh<br><i>Ms. Vong Khanh<br/>Linh</i>      | Thành viên<br>Ban kiểm<br>soát<br><i>Member of<br/>the BOS</i> | 01/07/2025                                                                                                                    |                                          | Cử nhân Quản trị Kinh<br>Doanh<br><i>Bachelor of Business<br/>Administration</i> |
| 4          | Bà Lê Ngọc Yến<br>Nhi<br><i>Ms. Le Ngoc Yen<br/>Nhi</i>      | Thành viên<br>Ban kiểm<br>soát<br><i>Member of<br/>the BOS</i> | 01/07/2025                                                                                                                    |                                          | Cử nhân Kế toán<br><i>Bachelor of Accounting</i>                                 |

2. Cuộc họp của BKS / *Meetings of Board of Supervisors:*

| Stt<br>No. | Thành viên BKS<br><i>Members of Board<br/>of Supervisors</i> | Số buổi họp<br>tham dự<br><i>Number of<br/>meetings<br/>attended</i> | Tỷ lệ tham dự họp<br><i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu quyết<br><i>Voting rate</i> | Lý do không tham dự họp<br><i>Reasons for absence</i>                                                |
|------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Lê Thị Ngọc<br>Diệu<br><i>Ms. Le Thi Ngoc<br/>Dieu</i>    | 1                                                                    | 1/1                                         | 100%                                   | Miễn nhiệm Thành viên BKS từ ngày<br>26/06/2026<br><i>Dismissed from BOS as of 26 June,<br/>2026</i> |
| 2          | Bà Nguyễn Thị<br>Cầm Hà<br><i>Ms. Nguyen Thi<br/>Cam Ha</i>  | 2                                                                    | 2/2                                         | 100%                                   | -                                                                                                    |

| Stt<br>No. | Thành viên BKS<br><i>Members of Board<br/>of Supervisors</i> | Số buổi họp<br>tham dự<br><i>Number of<br/>meetings<br/>attended</i> | Tỷ lệ tham dự họp<br><i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu quyết<br><i>Voting rate</i> | Lý do không tham dự họp<br><i>Reasons for absence</i> |
|------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 3          | Bà Vòng Khánh<br>Linh<br><i>Ms. Vong Khanh<br/>Linh</i>      | 2                                                                    | 2/2                                         | 100%                                   | -                                                     |
| 4          | Bà Lê Ngọc Yến<br>Nhi<br><i>Ms. Le Ngoc Yen<br/>Nhi</i>      | 2                                                                    | 2/2                                         | 100%                                   | -                                                     |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:*

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ của HĐQT và Ban điều hành, kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành.  
*Check and supervise the implementation of resolutions of the General Meeting of Shareholders by the Board of Directors and the Executive Board, and control compliance with current policies and regulations.*
- Kiểm tra quá trình đầu tư xây dựng, kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; Kiểm tra giám sát việc vận hành máy móc thiết bị đảm bảo an toàn hiệu quả. *Check the construction investment process, check accounting documents for legality, reasonableness and validity; Check and supervise the operation of machinery and equipment to ensure safety and efficiency.*
- BKS thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin tài liệu thông qua các phương tiện thông tin để kịp thời đề ra giải pháp nhằm quản trị rủi ro về hoạt động của công ty. *The Board of Supervisors regularly communicates and exchanges information and documents through the media to promptly propose solutions to manage risks in the company's operations.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giám sát việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch của công ty. Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và bộ phận quản lý công ty.

- *Participate in Board of Directors meetings, monitor the implementation of the company's goals and plans. Review and evaluate the performance of the Board of Directors, Board of Management and the company's management department.*
  - Theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết HĐQT của Ban Tổng Giám đốc và bộ phận quản lý công ty.  
*Monitor the implementation of the Board of Directors' resolutions by the Board of Management and the company's management department.*
  - Phối hợp với HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán BCTC công ty.  
*Coordinate with the Board of Directors to select an auditing unit to audit the company's financial statements.*
  - Thường xuyên trao đổi cùng HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty trong việc quản lý sản xuất và điều hành công ty, tuân thủ đúng điều lệ và quy định pháp luật hiện hành.  
*Regularly discuss with the Board of Directors and the company's Board of Management in production and operation management, complying with current regulations and laws.*
5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors (if any):*
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và giao ban của Ban điều hành Công ty. *Participate in meetings of the Board of Directors and meetings of the Company's Executive Board.*

#### IV. Ban điều hành/Board of Management

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành/<br><i>Members of Board of Management</i> | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>                                                     | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br><i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i> |                                             |
|------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
|            |                                                                    |                                             |                                                                                                 | Ngày bổ nhiệm<br><i>Date of appointment</i>                                                                                           | Ngày miễn nhiệm<br><i>Date of dismissal</i> |
| 1          | Ông Lê Đình Kính<br><i>Mr. Le Dinh Kinh</i>                        | 28/09/1994                                  | Cử nhân Kế toán<br><i>Bachelor of Accounting</i>                                                | 01/07/2025                                                                                                                            |                                             |
| 2          | Bà Nguyễn Thị Hồng Vân<br><i>Ms. Nguyen Thi Hong Van</i>           | 14/07/1987                                  | Cử nhân Kinh Doanh Thương Nghiệp & Dịch Vụ<br><i>Bachelor of Commerce and Services Business</i> | 01/07/2025                                                                                                                            |                                             |

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành/<br><i>Members of Board of Management</i> | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>                               | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br><i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i> |                                             |
|------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
|            |                                                                    |                                             |                                                                           | Ngày bổ nhiệm<br><i>Date of appointment</i>                                                                                           | Ngày miễn nhiệm<br><i>Date of dismissal</i> |
| 3          | Bà Nguyễn Ngọc Trà My<br><i>Ms. Nguyen Ngoc Tra My</i>             | 10/10/1987                                  | Cử nhân Tài chính & Ngân hàng<br><i>Bachelor of Finance and Banking</i>   | 01/07/2025                                                                                                                            |                                             |
| 4          | Bà Đặng Thị Tứ<br><i>Ms. Dang Thi Tu</i>                           | 25/05/1992                                  | Cử nhân Quản trị Kinh Doanh<br><i>Bachelor of Business Administration</i> | 01/07/2025                                                                                                                            |                                             |
| 5          | Ông Qi Yuan Fa<br><i>Mr. Qi Yan Fa</i>                             | 03/05/1973                                  | Cao đẳng Tự động hóa<br><i>College Diploma in Automation</i>              | 01/07/2025                                                                                                                            |                                             |
| 6          | Bà Quách Hân Tuyền<br><i>Ms. Quach Han Tuyen</i>                   | 07/05/1990                                  | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh<br><i>Master of Business Administration</i>   | 29/07/2025                                                                                                                            | 30/06/2026                                  |

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| Họ và tên<br><i>Name</i>                         | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br><i>Date of appointment/ dismissal</i> |
|--------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Bà Lê Thị Thùy Nga<br><i>Ms. Le Thi Thuy Nga</i> | 30/10/1987                                  | Cử nhân Kế toán<br><i>Bachelor of Accounting</i>      | 01/07/2025                                                         |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:**

Trong kỳ báo cáo, đại diện các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Kế toán trưởng đã tham gia Hội nghị trực tuyến “Tuân thủ pháp luật chứng khoán và lưu ý các sai sót trong lập Báo cáo tài chính” do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) phối hợp với Cục Quản lý, Giám sát Kế toán, Kiểm toán – Bộ Tài chính và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) tổ chức ngày 29/06/2026./During the

reporting period, representatives of the [Board of Directors / Board of Supervisors / Executive Board / Chief Accountant] participated in the online conference "Compliance with Securities Laws and Key Notes on Financial Statement Errors" organized by the State Securities Commission of Vietnam (SSC) in coordination with the Department of Accounting and Auditing Policy Regulation (Ministry of Finance) and VACPA on June 29, 2026.

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)**

**1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company**

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any)   | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br>NSH No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br>Relationship with the Company |
|------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------|
| A.         | Người nội bộ                                           |                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                  |                                                                     |
| I          | Hội đồng quản trị/<br>Board of Director                |                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                  |                                                                     |
| 1          | Ông Liêu Kiên Khang<br>Mr. Lieu Kien Khang             |                                                                                | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman of the BOD                               |                                                                             |                                                     | 01/07/2025                                                                          |                                                                                     |                  |                                                                     |
| 2          | Ông Liêu Bình An<br>Mr. Lieu Binh An                   |                                                                                | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng Tài chính ngân hàng |                                                                             |                                                     | 01/07/2025                                                                          |                                                                                     |                  |                                                                     |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>                                         | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                               |                                                                                       | <i>Member of the Board of Directors cum Head of Banking and Finance Department</i>                              |                                                                                    |                                                            |                                                                                            |                                                                                            |                         |                                                                            |
| 3          | Bà Liêu Tiểu Đình<br><i>Ms. Lieu Tieu Dinh</i>                |                                                                                       | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị<br><i>Vice Chairman of the Board of Directors</i>                                |                                                                                    |                                                            | 01/07/2025                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |
| 4          | Ông Lê Đình Kinh<br><i>Mr. Le Dinh Kinh</i>                   |                                                                                       | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc<br><i>Member of the Board of Directors cum General Director</i> |                                                                                    |                                                            | 01/07/2025                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |
| 5          | Ông Nguyễn Minh Quang<br><i>Mr. Nguyen Minh Quang</i>         |                                                                                       | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập<br><i>Independent Board Members</i>                                        |                                                                                    |                                                            | 01/07/2025                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |
| II         | Ban kiểm soát                                                 |                                                                                       |                                                                                                                 |                                                                                    |                                                            |                                                                                            |                                                                                            |                         |                                                                            |

| STT<br>No. | Tên tổ<br>chức/cá<br>nhân <i>Name<br/>of organiza<br/>tion/indi<br/>vidual</i> | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br><i>Position at the<br/>Company (if any)</i>                                                       | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of<br/>issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ<br>liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting<br/>to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i>                          | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty/<br><i>Relat ionship<br/>with the<br/>Company</i> |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Lê Thị<br>Ngọc Diệu<br><i>Ms. Le Thi<br/>Ngoc Dieu</i>                      |                                                                                                     | Trưởng Ban kiểm<br>soát<br><i>Head of the BOS</i>                                                                                    |                                                                                           |                                                                  | 01/07/2025                                                                                                          | 26/06/2026                                                                                                      | Lý do cá<br>nhân/<br><i>Personal<br/>reasons</i> |                                                                                           |
| 2          | Bà Nguyễn<br>Thị Cẩm Hà<br><i>Ms. Nguyen<br/>Thi Cam Ha</i>                    |                                                                                                     | Trưởng Ban kiểm<br>soát<br><i>Head of the BOS</i>                                                                                    |                                                                                           |                                                                  | 26/06/2026                                                                                                          |                                                                                                                 |                                                  |                                                                                           |
| 3          | Bà Vòng<br>Khánh Linh<br><i>Ms. Vong<br/>Khanh Linh</i>                        |                                                                                                     | Thành viên Ban<br>kiểm soát<br><i>Member of the<br/>BOS</i>                                                                          |                                                                                           |                                                                  | 01/07/2025                                                                                                          |                                                                                                                 |                                                  |                                                                                           |
| 4          | Bà Lê Ngọc<br>Yên Nhi<br><i>Ms. Le Ngoc<br/>Yen Nhi</i>                        |                                                                                                     | Thành viên Ban<br>kiểm soát<br><i>Member of the<br/>BOS</i>                                                                          |                                                                                           |                                                                  | 01/07/2025                                                                                                          |                                                                                                                 |                                                  |                                                                                           |
| III        | <b>Ban Điều<br/>hành</b>                                                       |                                                                                                     |                                                                                                                                      |                                                                                           |                                                                  |                                                                                                                     |                                                                                                                 |                                                  |                                                                                           |
| 1          | Ông Lê<br>Đình Kinh<br><i>Mr. Le Dinh<br/>Kinh</i>                             |                                                                                                     | Thành viên Hội<br>đồng quản trị<br>kiêm Tổng Giám<br>đốc<br><i>Member of the<br/>Board of<br/>Directors cum<br/>General Director</i> |                                                                                           |                                                                  | 01/07/2025                                                                                                          |                                                                                                                 |                                                  |                                                                                           |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>               | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 2          | Bà Nguyễn Thị Hồng Vân<br><i>Ms. Nguyen Thi Hong Van</i>      |                                                                                       | Phó TGĐ Khối Kinh Doanh<br><i>Deputy General Director of Business Division</i>        |                                                                                    |                                                            | 01/07/2025                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |
| 3          | Bà Nguyễn Ngọc Trà My<br><i>Ms. Nguyen Ngoc Tra My</i>        |                                                                                       | Phó TGĐ Tài Chính – Kế Toán<br><i>Deputy General Director of Finance – Accounting</i> |                                                                                    |                                                            | 01/07/2025                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |
| 4          | Bà Đặng Thị Tứ<br><i>Ms. Dang Thi Tu</i>                      |                                                                                       | Phó TGĐ Khối Thu Mua<br><i>Deputy General Director of Purchasing Division</i>         |                                                                                    |                                                            | 01/07/2025                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |
| 5          | Ông Qi Yuan Fa<br><i>Mr. Qi Yuan Fa</i>                       |                                                                                       | Phó TGĐ Khối Sản Xuất<br><i>Deputy General Director of Production Division</i>        |                                                                                    |                                                            | 01/07/2025                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i>                        | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>                  | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>                                                | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>           | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i>                   | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i> |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 6          | Bà Quách Hân Tuyền<br><i>Ms. Quach Han Tuyen</i>                                     |                                                                                       | Phó TGĐ /hành chính Tổng hợp<br><i>Deputy General Director of General Administration</i> |                                                                                                                                   |                                                                      | 01/07/2025                                                                                 | 30/06/2026                                                                                 | Lý do cá nhân/<br><i>Personal reasons</i> |                                                                            |
| 7          | Bà Lê Thị Thùy Nga<br><i>Ms. Le Thi Thuy Nga</i>                                     |                                                                                       | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i>                                                |                                                                                                                                   |                                                                      | 01/07/2025                                                                                 |                                                                                            |                                           |                                                                            |
| B          | Công ty con, công ty liên kết, công ty mà TAH sở hữu trên 10% vốn góp của công ty đó |                                                                                       |                                                                                          |                                                                                                                                   |                                                                      |                                                                                            |                                                                                            |                                           |                                                                            |
| 1          | Công ty CP Giấy Khôi Nguyên/<br><i>Khoi Nguyen Paper Joint Stock Company</i>         |                                                                                       |                                                                                          | Số: 3801186697<br>Ngày cấp: 04/08/2025 Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh Tỉnh Đồng Nai/ No.: 3801186697 Date of issue: August 04, | Lô H14-H15-H16, Đường Đ6, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh | 30/05/2023                                                                                 |                                                                                            |                                           | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                          |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i>              | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>                                                                                                                                  | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                                                           | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i> |
|------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                            |                                                                                       |                                                                         | 2025 Issued by:<br>Business Registration Office of Dong Nai Province.                                                                                                                                               | Hung, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam /Lot H14-H15-H16, D6 Street, Minh Hung III Industrial Park, Minh Hung Ward, Dong Nai Province, Vietnam |                                                                                            |                                                                                            |                         |                                                                            |
| 2          | Công ty CP TM Giấy Thuận Hưng/Thuan Hung Paper Trading Joint Stock Company |                                                                                       |                                                                         | Số: 0202343049<br>Cấp ngày: 24/03/2026 Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp Thành phố Hải Phòng/ No.: 0202343049 Date of issue: March 24, 2026 Issued by: Business Registration and Enterprise | Lô B2, Khu công nghiệp Tiên Thanh, Xã Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam/Lot B2, Tien Thanh Industrial Park, Tien              | 20/03/2026                                                                                 |                                                                                            |                         | Công ty liên kết/ Associate                                                |



| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                               |                                                                                       |                                                                         | Management Office of Hai Phong City                                                | Lang Commune, Hai Phong City, Vietnam                      |                                                                                            |                                                                                            |                         |                                                                            |

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i>                                                                                          | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.* date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i>                | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1          | Công ty TNHH GP Solution Việt Nam                             | Chung nhân sự chủ chốt Bà Quách Hân Tuyền<br><i>Ms. Quach Han Tuyen - Phó TGĐ /hành chính Tổng hợp</i><br><i>Deputy General Director of General Administration</i> |                                                                                  |                                                            | 2026                                                                            | 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ                                                                                                                                                                                                                  | Doanh thu từ bán hàng:<br>15.821.106.920<br><br>VND<br><i>Net revenue from sales:</i><br>15.821.106.920<br><br>VND |                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>                                                  | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>     | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|            |                                                               |                                                                           |                                                                                                                                   |                                                                |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                   | Mua hàng hóa:<br>761.188.100 VND<br><br><i>Purchase of goods:</i><br>761.188.100 VND                |                        |
| 2          | Công ty CP TM Giấy Thuận Hưng/ <i>Thuan Hung Paper</i>        | Công ty liên kết/<br><i>Associate</i>                                     | Số: 0202343049<br>Cấp ngày: 24/03/2026 Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp Thành phố Hải Phòng/ <i>No.:</i> | Lô B2, Khu công nghiệp Tiên Thanh, Xã Tiên Lãng, Thành phố Hải | 2026                                                                            | 2003/2026/NQ-HĐQT                                                                                                                                                                                                                 | Góp vốn<br>156.000.000.000 VNĐ<br><br><i>Capital contribution:</i><br>156,000,000,000 VND           |                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>                                             | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                     | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i> | Ghi chú<br><i>Note</i>                                         |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|            | Trading Joint Stock Company                                   |                                                                           | 0202343049 Date of issue: March 24, 2026 Issued by: Business Registration and Enterprise Management Office of Hai Phong City | Phòng, Việt Nam/Lot B2, Tien Thanh Industrial Park, Tien Lang Commune, Hai Phong City, Vietnam |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                     |                                                                |
| 3          | Ông Liêu Kiên Khang<br><i>Mr. Lieu Kien Khang</i>             | Chủ tịch HĐQT<br><i>Chairman of the BOD</i>                               |                                                                                                                              |                                                                                                | 12/06/2026                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                  | 364.250.000                                                                                         | Công ty chi thực hiện nộp thuế TNCN theo ủy quyền của Chủ tịch |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/<br/>individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.* date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i> | Ghi chú<br><i>Note</i>                                                                                                                                                                                 |
|------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                    |                                                                           |                                                                                  |                                                            |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                     | HDQT bằng nguồn tiền do Chủ tịch chuyển trước, không phát sinh việc công ty ứng trước hoặc cho vay/<br><i>The Company paid personal income tax on behalf of the Chairman of the Board of Directors</i> |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.* date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i> | Ghi chú<br><i>Note</i>                                                                                                            |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                               |                                                                           |                                                                                  |                                                            |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                     | <i>under his authorization using funds transferred by the Chairman in advance. No advance or loan was provided by the Company</i> |

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/  
*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

Không có/ *No transactions.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, General Director have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

Không có/ *No transactions.*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and other managers as a member of Board of Directors, General Director.*

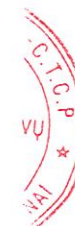
Không có/ *No transactions.*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, General Director and other managers: Không có/ No transactions.*

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report)***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note          |
|------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1          | Liêu Kiên<br>Khang<br>Lieu Kien<br>Khang           |                                                                                                   | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman of the<br>Board of<br>Directors (BOD)           |                                                                                                          |                               | 137.700.000                                                                                     | 51,000%                                                                                                   |                          |
| 1.1        | Liêu Bình An<br>Lieu Binh An                       |                                                                                                   | Thành viên<br>HĐQT<br>Member of the<br>Board of<br>Directors              |                                                                                                          |                               | 31.043.400                                                                                      | 11,498%                                                                                                   | Bố<br>Father             |
| 1.2        | Hoài Tú Hà<br>Hoai Tu Ha                           |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               | 24.300.000                                                                                      | 9,000%                                                                                                    | Mẹ<br>Mother             |
| 1.3        | Liêu Kiên<br>Cường<br>Lieu Kien<br>Cuong           |                                                                                                   | Trưởng phòng<br>thu mua<br>Head of<br>Procurement<br>Department           |                                                                                                          |                               | 8.100.000                                                                                       | 3,000%                                                                                                    | Anh<br>Older Brother     |
| 1.4        | Liêu Tiểu<br>Dinh<br>Lieu Tieu<br>Dinh             |                                                                                                   | Phó chủ tịch<br>HĐQT<br>Vice Chairman of<br>the Board of<br>Directors     |                                                                                                          |                               | 2.700.000                                                                                       | 1,000%                                                                                                    | Em<br>Younger<br>brother |
| 1.5        | Nguyễn Thị<br>Thanh Cúc<br>Nguyen Thi<br>Thanh Cuc |                                                                                                   | Phó giám đốc<br>kinh doanh<br>Deputy Business<br>Director                 |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chị dâu<br>Sister-in-law |
| 1.6        | Nguyễn Chí<br>Hùng                                 |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em rể                    |



| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                                                                                               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any)     | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                            |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | Nguyen Chi<br>Hung                                                                                                           |                                                                                                   |                                                                               |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Brother-in-<br>law                                                                         |
| 1.7        | Công ty<br>TNHH MTV<br>Thương Mại<br>Dịch Vụ Tân<br>An<br>Tan An<br>Trading<br>Services Co.,<br>Ltd. (Single-<br>Member LLC) |                                                                                                   |                                                                               |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Giám đốc<br>kiêm người<br>Đại diện pháp<br>luật<br>Director cum<br>Legal<br>Representative |
| 2          | <b>Liêu Tiểu<br/>Dinh</b><br>Lieu Tieu<br>Dinh                                                                               |                                                                                                   | <b>Phó chủ tịch<br/>HĐQT</b><br>Vice Chairman<br>of the Board of<br>Directors |                                                                                                          |                               | <b>2.700.000</b>                                                                                | <b>1,000%</b>                                                                                             |                                                                                            |
| 2.1        | Liêu Bình An<br>Lieu Binh An                                                                                                 |                                                                                                   | Thành viên<br>HĐQT<br>Member of the<br>Board of<br>Directors                  |                                                                                                          |                               | 31.043.400                                                                                      | 11,498%                                                                                                   | Bố<br>Father                                                                               |
| 2.2        | Hoài Tú Hà<br>Hoai Tu Ha                                                                                                     |                                                                                                   | Không<br>None                                                                 |                                                                                                          |                               | 24.300.000                                                                                      | 9,000%                                                                                                    | Mẹ<br>Mother                                                                               |
| 2.3        | Nguyễn Chí<br>Hùng<br>Nguyen Chi<br>Hung                                                                                     |                                                                                                   | Không<br>None                                                                 |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chồng<br>Husband                                                                           |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note           |
|------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 2.4        | Nguyễn Chí<br>Vinh<br>Nguyen Chi<br>Vinh           |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con<br>Child              |
| 2.5        | Nguyễn Chí<br>Dũng<br>Nguyen Chi<br>Dung           |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con<br>Child              |
| 2.6        | Liêu Kiên<br>Khang<br>Lieu Kien<br>Khang           |                                                                                                   | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman of the<br>Board of<br>Directors (BOD)           |                                                                                                          |                               | 137.700.000                                                                                     | 51,000%                                                                                                   | Anh<br>Older Brother      |
| 2.7        | Liêu Kiên<br>Cường<br>Lieu Kien<br>Cuong           |                                                                                                   | Trưởng phòng<br>thu mua<br>Head of<br>Procurement<br>Department           |                                                                                                          |                               | 8.100.000                                                                                       | 3,000%                                                                                                    | Anh<br>Older Brother      |
| 2.8        | Nguyễn Thị<br>Thanh Cúc<br>Nguyen Thi<br>Thanh Cuc |                                                                                                   | Phó giám đốc<br>kinh doanh<br>Deputy Business<br>Director                 |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chị dâu<br>Sister-in-law  |
| 2.9        | Nguyễn Văn<br>Chí<br>Nguyen Van<br>Chi             |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               | 3.000.000                                                                                       | 1,111%                                                                                                    | Bố chồng<br>Father-in-law |
| 2.10       | Lưu Thị<br>Nhường                                  |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               | 3.890.000                                                                                       | 1,441%                                                                                                    | Mẹ chồng<br>Mother-in-law |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                                                    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any)     | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note     |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|            | Luu Thi<br>Nhưng                                                                  |                                                                                                   |                                                                               |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                     |
| 2.11       | Công ty<br>TNHH Sản<br>Xuất Thuận<br>An<br>Thuan An<br>Manufacturing<br>Co., Ltd. |                                                                                                   | Phó Giám đốc<br>Deputy Director                                               |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                     |
| 3          | <b>Liêu Bình An</b><br><i>Lieu Binh An</i>                                        |                                                                                                   | <b>Thành viên<br/>HĐQT</b><br><i>Member of the<br/>Board of<br/>Directors</i> |                                                                                                          |                               | <b>31.043.400</b>                                                                               | <b>11,498%</b>                                                                                            |                     |
| 3.1        | Liêu Tân<br><i>Lieu Tan</i>                                                       |                                                                                                   |                                                                               | Đã mất<br><i>Deceased</i>                                                                                |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố<br><i>Father</i> |
| 3.2        | Lâm Nguơn<br><i>Lam Nguon</i>                                                     |                                                                                                   |                                                                               | Đã mất<br><i>Deceased</i>                                                                                |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ<br><i>Mother</i> |
| 3.3        | Hoài Tú Hà<br><i>Hoai Tu Ha</i>                                                   |                                                                                                   | Không<br><i>None</i>                                                          |                                                                                                          |                               | 24.300.000                                                                                      | 9,000%                                                                                                    | Vợ<br><i>Wife</i>   |
| 3.4        | Liêu Kiên<br>Khang<br>Lieu Kien<br>Khang                                          |                                                                                                   | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman of the<br>Board of<br>Directors (BOD)               |                                                                                                          |                               | 137.700.000                                                                                     | 51,000%                                                                                                   | Con<br><i>Child</i> |
| 3.5        | Liêu Kiên<br>Cường                                                                |                                                                                                   | Trưởng phòng<br>thu mua                                                       |                                                                                                          |                               | 8.100.000                                                                                       | 3,000%                                                                                                    | Con<br><i>Child</i> |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note          |
|------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|            | Lieu Kien<br>Cuong                                 |                                                                                                   | Head of<br>Procurement<br>Department                                      |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                          |
| 3.6        | Liêu Tiểu<br>Dinh<br>Lieu Tieu<br>Dinh             |                                                                                                   | Phó chủ tịch<br>HĐQT<br>Vice Chairman of<br>the Board of<br>Directors     |                                                                                                          |                               | 2.700.000                                                                                       | 1,000%                                                                                                    | Con<br>Child             |
| 3.7        | Liêu Quang<br>Lieu Quang                           |                                                                                                   | Không<br>None                                                             | Đã mất<br>Deceased                                                                                       |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Anh<br>Older Brother     |
| 3.8        | Liêu Hữu Phát<br>Lieu Huu Phat                     |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Anh<br>Older Brother     |
| 3.9        | Vũ Thị Gọn<br>Vu Thi Gon                           |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chị dâu<br>Sister-in-law |
| 3.10       | Quỳnh Thị<br>Minh Tuyết<br>Quynh Thi<br>Minh Tuyet |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chị dâu<br>Sister-in-law |
| 3.11       | Hoài Tử Hà<br>Hoai Tu Ha                           |                                                                                                   |                                                                           | Đã mất<br>Deceased                                                                                       |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố vợ<br>Father-in-law   |
| 3.12       | Vũ Thị Lễ<br>Vu Thi Le                             |                                                                                                   |                                                                           | Đã mất<br>Deceased                                                                                       |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ vợ<br>Mother-in-law   |
| 4          | Nguyễn Minh<br>Quang<br>Nguyen Minh<br>Quang       |                                                                                                   | Thành viên độc<br>lập HĐQT<br>Independent<br>Member of the                |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                          |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note    |
|------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|            |                                                    |                                                                                                   | Board of<br>Directors                                                     |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                    |
| 4.1        | Nguyễn Văn<br>Sinh<br>Nguyen Van<br>Sinh           |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố<br>Father       |
| 4.2        | Trần Thị Như<br>Thúy<br>Tran Thi Nhu<br>Thuy       |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ<br>Mother       |
| 4.3        | Đặng Nguyễn<br>Hương Ly<br>Dang Nguyen<br>Huong Ly |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Vợ<br>Wife         |
| 4.4        | Nguyễn Alysia<br>Trúc<br>Nguyen Alysia<br>Truc     |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con<br>Child       |
| 4.5        | Nguyễn Zen<br>Lâm<br>Nguyen Zen<br>Lam             |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con<br>Child       |
| 4.6        | Nguyễn Thị<br>Anh Tú<br>Nguyen Thi<br>Anh Tu       |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chị ruột<br>Sister |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                                                                    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any)                  | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note              |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 4.7        | Nguyễn Trung<br>Hiếu<br>Nguyen Trung<br>Hieu                                                      |                                                                                                   | Không<br>None                                                                              |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Anh ruột<br>Older Brother    |
| 4.8        | Dư Hoài<br>Phương<br>Du Hoai<br>Phuong                                                            |                                                                                                   | Không<br>None                                                                              |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Anh rể<br>Brother-in-<br>law |
| 4.9        | Bùi Thị Thu<br>Vân<br>Bui Thi Thu<br>Van                                                          |                                                                                                   | Không<br>None                                                                              |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chị dâu<br>Sister-in-law     |
| 4.10       | Đặng Quốc<br>Tiền<br>Dang Quoc<br>Tien                                                            |                                                                                                   | Không<br>None                                                                              |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố vợ<br>Father-in-law       |
| 4.11       | Nguyễn Thị<br>Thu Hoài<br>Nguyen Thi<br>Thu Hoai                                                  |                                                                                                   |                                                                                            | Đã mất<br>Deceased                                                                                       |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ vợ<br>Mother-in-law       |
| 4.12       | Công ty Cổ<br>phần Xuất<br>Nhập Khẩu<br>Hoá Chất Tân<br>Phú Cường<br>Tan Phu<br>Cuong<br>Chemical |                                                                                                   | Giám đốc chuyển<br>đổi và sáng tạo<br>Chief<br>Transformation<br>and Innovation<br>Officer |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                              |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                 | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note          |
|------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|            | Import-Export<br>Joint Stock<br>Company        |                                                                                                   |                                                                           |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                          |
| 5          | Lê Đình Kinh<br>Le Dinh Kinh                   |                                                                                                   | TGĐ<br>General Director<br>(CEO)                                          |                                                                                                          |                               | 100.000                                                                                         | 0,037%                                                                                                    |                          |
| 5.1        | Lê Đình<br>Thành<br>Le Dinh<br>Thanh           |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố<br>Father             |
| 5.2        | Phạm Thị Liên<br>Pham Thi Lien                 |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ<br>Mother             |
| 5.3        | Nguyễn Thị<br>Hà<br>Nguyen Thi<br>Ha           |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Vợ<br>Wife               |
| 5.4        | Lê Nguyễn<br>Bảo Ngọc<br>Le Nguyen<br>Bao Ngoc |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con<br>Child             |
| 5.5        | Lê Đình<br>Hoàng<br>Le Dinh<br>Hoang           |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em<br>Younger<br>brother |
| 5.6        | Nguyễn Thị<br>Hiền                             |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ vợ<br>Mother-in-law   |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                                                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any)   | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note        |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|            | Nguyen Thi<br>Hien                                                                 |                                                                                                   |                                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                        |
| 5.7        | Nguyễn Văn<br>Luyện<br>Nguyen Van<br>Luyen                                         |                                                                                                   | Không<br>None                                                               |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố vợ<br>Father-in-law |
| 5.8        | Công ty CP<br>Giấy Khô<br>Nguyễn<br>Khoi Nguyen<br>Paper Joint<br>Stock<br>Company |                                                                                                   | Tổng giám đốc<br>General Director                                           |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                        |
| 6          | Nguyễn Ngọc<br>Trà My<br>Nguyen Ngoc<br>Tra My                                     |                                                                                                   | PTGD khối tài<br>chính<br>Deputy General<br>Director of<br>Finance Division |                                                                                                          |                               | 200.000                                                                                         | 0,074%                                                                                                    |                        |
| 6.1        | Nguyễn Văn<br>Khoa<br>Nguyen Van<br>Khoa                                           |                                                                                                   |                                                                             | Đã mất<br>Deceased                                                                                       |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố<br>Father           |
| 6.2        | Nguyễn Thị<br>Ngọc Loan<br>Nguyen Thi<br>Ngoc Loan                                 |                                                                                                   | Không<br>None                                                               |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ<br>Mother           |



| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note           |
|------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 6.3        | Nguyễn Thành<br>Nhân<br>Nguyen Thanh<br>Nhan     |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chồng<br>Husband          |
| 6.4        | Nguyễn Ngọc<br>Bảo Hân<br>Nguyen Ngoc<br>Bao Han |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con<br>Child              |
| 6.5        | Nguyễn Đăng<br>Khôi<br>Nguyen Dang<br>Khoi       |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con<br>Child              |
| 6.6        | Nguyễn Văn<br>Trường<br>Nguyen Van<br>Truong     |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em<br>Younger<br>brother  |
| 6.7        | Nguyễn Văn<br>Thọ<br>Nguyen Van<br>Tho           |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               | 100                                                                                             | 0,000%                                                                                                    | Em<br>Younger<br>brother  |
| 6.8        | Nguyễn Văn<br>Thái<br>Nguyen Van<br>Thai         |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố chồng<br>Father-in-law |
| 6.9        | Phan Thị<br>Chuyên                               |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ chồng<br>Mother-in-law |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any)        | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note   |
|------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
|            | Phan Thị<br>Chuyen                                   |                                                                                                   |                                                                                  |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                   |
| 7          | Đặng Thị Tứ<br>Dang Thi Tu                           |                                                                                                   | PTGD khối thu<br>mua<br>Deputy General<br>Director of<br>Procurement<br>Division |                                                                                                          |                               | 10.000                                                                                          | 0,004%                                                                                                    |                   |
| 7.1        | Đặng Xuân<br>Hung<br>Dang Xuan<br>Hung               |                                                                                                   |                                                                                  | Đã mất<br>Deceased                                                                                       |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố<br>Father      |
| 7.2        | Trần Thị Liên<br>Tran Thi Lien                       |                                                                                                   | Không<br>None                                                                    |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ<br>Mother      |
| 7.3        | Nguyễn Tuấn<br>Anh<br>Nguyen Tuan<br>Anh             |                                                                                                   | Không<br>None                                                                    |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chồng<br>Husband  |
| 7.4        | Nguyễn Đặng<br>Minh Khôi<br>Nguyen Dang<br>Minh Khoi |                                                                                                   | Không<br>None                                                                    |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con<br>Child      |
| 7.5        | Đặng Thị Lua<br>Dang Thi Lua                         |                                                                                                   | Không<br>None                                                                    |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chị gái<br>Sister |
| 7.6        | Đặng Thị Len<br>Dang Thi Len                         |                                                                                                   | Không<br>None                                                                    |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chị gái<br>Sister |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any) | Số CMND/Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note               |
|------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 7.7        | Đặng Thị<br>Thùy<br>Dang Thi<br>Thuy       |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                         |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chị gái<br>Sister             |
| 7.8        | Đặng Văn Vũ<br>Dang Van Vu                 |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                         |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em trai<br>Younger<br>brother |
| 7.9        | Nguyễn Thanh<br>Hải<br>Nguyen Thanh<br>Hai |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                         |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Anh rể<br>Brother-in-<br>law  |
| 7.10       | Phạm Ngọc<br>Quân<br>Pham Ngoc<br>Quan     |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                         |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Anh rể<br>Brother-in-<br>law  |
| 7.11       | Đào Trọng<br>Tuấn<br>Dao Trong<br>Tuan     |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                         |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Anh rể<br>Brother-in-<br>law  |
| 7.12       | Trần Thị Bích<br>Tran Thi Bich             |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                         |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em Dâu<br>Sister-in-law       |
| 7.13       | Hồ Thị Gia Ly<br>Ho Thi Gia Ly             |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                         |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ chồng<br>Mother-in-law     |
| 7.14       | Nguyễn Quốc<br>Tuấn<br>Nguyen Quoc<br>Tuan |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                         |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố chồng<br>Father-in-law     |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                         | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any)        | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note           |
|------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 8          | Nguyễn Thị<br>Hong Vân<br>Nguyen Thi<br>Hong Van       |                                                                                                   | PTGD khối kinh<br>doanh<br>Deputy General<br>Director of<br>Business<br>Division |                                                                                                          |                               | 30.000                                                                                          | 0,011%                                                                                                    |                           |
| 8.1        | Nguyễn Văn<br>Thắng<br>Nguyen Van<br>Thang             |                                                                                                   | Không<br>None                                                                    |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố<br>Father              |
| 8.2        | Đỗ Thị Uông<br>Do Thi Uong                             |                                                                                                   | Không<br>None                                                                    |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ<br>Mother              |
| 8.3        | Nguyễn Duy<br>Phuong<br>Nguyen Duy<br>Phuong           |                                                                                                   | Không<br>None                                                                    |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chồng<br>Husband          |
| 8.4        | Nguyễn Văn<br>Hoà<br>Nguyen Van<br>Hoa                 |                                                                                                   | Không<br>None                                                                    |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Anh<br>Brother            |
| 8.5        | Nguyễn Thị<br>Bích Nguyệt<br>Nguyen Thi<br>Bich Nguyet |                                                                                                   | Không<br>None                                                                    |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chị dâu<br>Sister-in-law  |
| 8.6        | Nguyễn Tam<br>Đo                                       |                                                                                                   | Không<br>None                                                                    |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố chồng<br>Father-in-law |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                         | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any)           | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note               |
|------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|            | Nguyen Tam<br>Do                       |                                                                                                   |                                                                                     |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                               |
| 8.7        | Lê Thị Cúc<br>Le Thi Cuc               |                                                                                                   | Không<br>None                                                                       |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ chồng<br>Mother-in-law     |
| 9          | Ông Qi<br>Yuan Fa<br>Mr. Qi<br>Yuan Fa |                                                                                                   | Phó TGD Khối<br>Sản Xuất<br>Deputy General<br>Director of<br>Production<br>Division |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                               |
| 9.1        | Qi YiPing                              |                                                                                                   | Không<br>None                                                                       |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố<br>Father                  |
| 9.2        | Jing ZhongAi                           |                                                                                                   | Không<br>None                                                                       |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ<br>Mother                  |
| 9.3        | Shun<br>ZhongLan                       |                                                                                                   | Không<br>None                                                                       |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Vợ<br>Wife                    |
| 9.4        | Qi WanWang                             |                                                                                                   | Không<br>None                                                                       |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con<br>Child                  |
| 9.5        | Qi MingMing                            |                                                                                                   | Không<br>None                                                                       |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con<br>Child                  |
| 9.6        | Qi HongYang                            |                                                                                                   | Không<br>None                                                                       |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con<br>Child                  |
| 9.7        | Qi YuanYong                            |                                                                                                   |                                                                                     |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em ruột<br>Younger<br>brother |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note               |
|------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 9.8        | Qi FengXiang                             |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em ruột<br>Younger<br>brother |
| 9.9        | Qi FengHua                               |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em ruột<br>Younger<br>brother |
| 9.10       | Dong XiuYun                              |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em Dâu<br>Sister-in-law       |
| 9.11       | Zhang Hua                                |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em rể<br>Brother-in-<br>law   |
| 9.12       | Sun Jinhua                               |                                                                                                   |                                                                           | Đã mất<br>Deceased                                                                                       |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố vợ<br>Father-in-law        |
| 9.13       | Sun Tangshi                              |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ vợ<br>Mother-in-law        |
| 10         | Lê Thị Thùy<br>Nga<br>Le Thi Thuy<br>Nga |                                                                                                   | KTT<br>Chief Accountant                                                   |                                                                                                          |                               | 50.000                                                                                          | 0,019%                                                                                                    |                               |
| 10.1       | Lê Văn Minh<br>Le Van Minh               |                                                                                                   |                                                                           | Đã mất<br>Deceased                                                                                       |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố<br>Father                  |
| 10.2       | Mai Thị Oanh<br>Mai Thi Oanh             |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ<br>Mother                  |
| 10.3       | Nguyễn<br>Hoàng Tâm                      |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chồng<br>Husband              |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note              |
|------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
|            | Nguyen<br>Hoang Tam                        |                                                                                                   |                                                                           |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                              |
| 10.4       | Nguyễn Xuân<br>Hà<br>Nguyen Xuan<br>Ha     |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ chồng<br>Mother-in-law    |
| 10.5       | Nguyễn Tấn<br>Trâm                         |                                                                                                   |                                                                           | Đã mất<br>Deceased                                                                                       |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố chồng<br>Father-in-law    |
| 10.6       | Lê Thị Thùy<br>Anh<br>Le Thi Thuy<br>Anh   |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chị<br>Sister                |
| 10.7       | Cao Huy<br>Dương<br>Cao Huy<br>Duong       |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Anh rể<br>Brother-in-<br>law |
| 10.8       | Lê Thị Thùy<br>Ngân<br>Le Thi Thuy<br>Ngan |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chị<br>Sister                |
| 10.9       | Trần Thái<br>Hiệp<br>Tran Thai<br>Hiep     |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Anh rể<br>Brother-in-<br>law |
| 11         | Lê Ngọc Yến<br>Nhi                         |                                                                                                   | Thành viên BKS                                                            |                                                                                                          |                               | 5.000                                                                                           | 0,002%                                                                                                    |                              |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note          |
|------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|            | Le Ngoc Yen<br>Nhi                                 |                                                                                                   | Member of the<br>Board of<br>Supervisors                                  |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           |                          |
| 11.1       | Lê Kim Cang<br>Le Kim Cang                         |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố<br>Father             |
| 11.2       | Nguyễn Thị<br>Thúy Ngân<br>Nguyen Thi<br>Thuy Ngan |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ<br>Mother             |
| 11.3       | Lê Ngọc Yến<br>Trang<br>Le Ngoc Yen<br>Trang       |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em<br>Younger<br>brother |
| 12         | Vòng Khánh<br>Linh<br>Vong Khanh<br>Linh           |                                                                                                   | Thành viên BKS<br>Member of the<br>Board of<br>Supervisors                |                                                                                                          |                               | 5.000                                                                                           | 0,002%                                                                                                    |                          |
| 12.1       | Vòng Quyền<br>Hán<br>Vong Quyen<br>Han             |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Bố<br>Father             |
| 12.2       | Nhìn A Tài<br>Nhin A Tai                           |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ<br>Mother             |
| 12.3       | Vòng Đức<br>Duy<br>Vong Duc Duy                    |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em<br>Younger<br>brother |



| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note               |
|------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 12.4       | Vòng Đức<br>Huy<br>Vong Duc Huy                    |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Em<br>Younger<br>brother      |
| 13         | Nguyễn Thị<br>Cầm Hà<br>Nguyen Thi<br>Cam Ha       |                                                                                                   | Trưởng Ban<br>kiểm soát<br>Head of the BOS                                |                                                                                                          |                               | 10.000                                                                                          | 0.0037%                                                                                                   |                               |
| 13.1       | Nguyễn Văn<br>Hoàng<br>Nguyen Van<br>Hoang         |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Cha ruột<br>Father            |
| 13.2       | Nguyễn Cẩm<br>Anh<br>Nguyen Cam<br>Anh             |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ ruột<br>Mother             |
| 13.3       | Đỗ Quốc<br>Hùng<br>Do Quoc<br>Hung                 |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Cha Chồng<br>Father-in-law    |
| 13.4       | Nguyễn Thị<br>Tranh<br>Nguyen Thi<br>Tranh         |                                                                                                   | Không<br>None                                                             | Đã mất<br>Deceased                                                                                       |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Mẹ Chồng<br>Mother-in-law     |
| 13.5       | Nguyễn Thị<br>Cầm Nhung<br>Nguyen Thi<br>Cam Nhung |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               | 100                                                                                             | 0,0000%                                                                                                   | Em ruột<br>Younger<br>brother |

| stt<br>No. | Họ tên<br>Name                               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note   |
|------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 13.6       | Đỗ Quốc Thái<br>Dũng<br>Do Quoc Thai<br>Dung |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Chồng<br>Husband  |
| 13.7       | Đỗ Đình<br>Phong<br>Do Dinh<br>Phong         |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con ruột<br>Child |
| 13.8       | Đỗ Hà My<br>Do Ha My                         |                                                                                                   | Không<br>None                                                             |                                                                                                          |                               |                                                                                                 |                                                                                                           | Con ruột<br>Child |



2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

| Stt<br>No. | Người thực<br>hiện giao dịch<br><i>Transaction<br/>executor</i> | Quan hệ với<br>người nội bộ<br><i>Relationship with<br/>internal persons</i> | Số cổ phiếu sở hữu đầu<br>kỳ/ <i>Number of shares owned at<br/>the beginning of the period</i> |                             | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/<br><i>Number of shares owned at<br/>the end of the period</i> |                             | Lý do tăng, giảm<br>(mua, bán, chuyển<br>đổi, thưởng...) <i>Reasons<br/>for increasing,<br/>decreasing<br/>(buying, selling,<br/>converting, rewarding,<br/>etc.)</i> |
|------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                 |                                                                              | <i>Số cổ phiếu<br/>Number of<br/>shares</i>                                                    | <i>Tỷ lệ<br/>Percentage</i> | <i>Số cổ phiếu<br/>Number of<br/>shares</i>                                               | <i>Tỷ lệ<br/>Percentage</i> |                                                                                                                                                                       |
| 1          | Ông Liêu Kiên<br>Khang<br><i>Mr. Lieu Kien<br/>Khang</i>        | Chủ tịch HĐQT<br><i>Chairman of the<br/>BOD</i>                              | 174.125.000                                                                                    | 64,49%                      | 137.700.000                                                                               | 51%                         | Bán thỏa thuận do nhu<br>cầu cá nhân<br><br><i>Sold via put-through<br/>agreement due to<br/>personal financial<br/>needs</i>                                         |

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không có/None

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- CBTT theo Quy định;/ *As disclosed in accordance with  
regulations;*

- Lưu: VT ,... /*Archived: Administration Department.*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)  
(*Sign, full name and seal*)



*Liêu Kiên Khang*